

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST  
Ngày 12/8/2019  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Huỳnh Thanh Trà  
- Ông Huỳnh Tiến

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Nhã Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty tài chính TNHH một thành viên V.

Địa chỉ: đường B, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Trung H, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: đường T, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng. (Bà Nguyễn Thị Hồng T có mặt)

(Giấy ủy quyền số 165/UQTA-VH.19 lập ngày 10 tháng 6 năm 2019)

**2. Bị đơn:** Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, phường H, quận I, thành phố Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Vào ngày 25/01/2016 bà Trần Thị Kim C có ký hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-4942 với Công ty tài chính TNHH một thành viên V để vay số tiền 25.491.002 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi một ngàn không trăm lẻ hai đồng); với lãi suất thỏa thuận 5.00%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Trần Thị Kim C có trách nhiệm thanh toán số tiền 44.976.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng. Trong 23 tháng đầu, mỗi tháng bà C phải trả 1.848.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.472.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01/3/2016.

Thực hiện hợp đồng khách hàng đã nhận đủ số tiền trên để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho công ty tài chính TNHH một thành viên V 4 lần với tổng số tiền đã trả 8.696.000 đồng. Kể từ ngày 25/02/2017 đến nay, bà Trần Thị Kim C không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên công ty tài chính TNHH một thành viên V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Kim C thanh lý hợp đồng, trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau: Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 19.538.477 đồng, và khoản nợ lãi theo hợp đồng là 16.741.523 đồng. Tổng số tiền công ty yêu cầu Tòa án buộc bà C trả cho công ty là 36.280.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng)

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Trần Thị Kim C để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 36.280.000 đồng làm một lần là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Vào ngày 25/01/2016 bà Trần Thị Kim C có ký hợp đồng tín dụng số 20160123-

500000-4942 với Công ty tài chính TNHH một thành viên V để vay số tiền 25.491.002 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi một ngàn không trăm lẻ hai đồng); với lãi suất thỏa thuận 5.00%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Trần Thị Kim C có trách nhiệm thanh toán số tiền 44.976.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng. Trong 23 tháng đầu, mỗi tháng bà C phải trả 1.848.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.472.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01/3/2016. Ngày 26/01/2016 bà C đã nhận số tiền 10.000.000 đồng giải ngân thông qua hệ thống bưu điện Việt Nam, cụ thể là tại bưu cục Sông Hàn. Ngoài ra, theo văn bản thỏa thuận về việc tắt toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới, ký ngày 25/01/2016 giữa hai bên, bà C đã được Công ty tài chính TNHH một thành viên V dùng số tiền vay còn lại để tắt toán khoản nợ 15.491.002 đồng theo hợp đồng tín dụng số 20150202-500003-0005 ngày 28/01/2015. Như vậy bà C đã nhận toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-4942 ngày 25/01/2016. Thực hiện hợp đồng bà C đã trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên V 4 lần với số tiền 8.696.000 đồng. Cụ thể, ngày 01/3/2016 trả số tiền 1.848.000 đồng, ngày 04/4/2016 trả số tiền 1.848.000 đồng, ngày 12/12/2016 trả số tiền 4.000.000 đồng, ngày 25/02/2017 trả số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó bà C không thanh toán thêm khoản nào nữa. Hội đồng xét xử xét thấy bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-4942, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà C phải trả số tiền còn nợ 36.280.000 đồng, trong đó nợ gốc là 19.538.477 đồng và nợ lãi 16.741.523 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm 1.814.000 đồng bị đơn là bà Trần Thị Kim C phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều khoản 2 Điều 227, điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên V đối với bà Trần Thị Kim C.

### **Xử:**

1. Buộc bà Trần Thị Kim C phải trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên V số tiền 36.280.000 đồng làm một lần. (Trong đó nợ gốc là 19.538.477 đồng và nợ lãi 16.741.523 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.814.000 đồng (Một triệu tám trăm mười bốn ngàn đồng) bà Trần Thị Kim C phải chịu. Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên V 907.000 đồng (Chín trăm lẻ bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 6717 ngày 13/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Thủy**